

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 189/2024/TLST-HNGĐ về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Ông Nguyễn Đại D, sinh năm: 1994. Địa chỉ: C C, H, C, Đà Nẵng
- Bà Phan Thị Khánh A, sinh năm: 1996. Địa chỉ: C C, H, C, Đà Nẵng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Khánh A và ông Nguyễn Đại D kết hôn vào năm 2017 và đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận C, tp . Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hòa hợp. Do hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông bà đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phan Thị Khánh A và ông Nguyễn Đại D.

[2] Về con chung: Bà Phan Thị Khánh A và ông Nguyễn Đại D có 02 con chung là cháu Nguyễn Phan Hải Đ, sinh ngày: 06/12/2018 và cháu Nguyễn Phan Hải B, sinh ngày: 20/8/2020. Ly hôn, bà A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phan Hải B và giao cháu Nguyễn Phan Hải Đ cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với bên nào.

[3] Về tài sản chung: Bà Phan Thị Khánh A và ông Nguyễn Đại D xác nhận không có nên không đề cập giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Phan Thị Khánh A và ông Nguyễn Đại D xác nhận không có nên không đề cập giải quyết.

[5] Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình là: 300.000 đồng, bà Phan Thị Khánh A và ông Nguyễn Đại D tự nguyện chịu.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Khánh A và ông Nguyễn Đại D thống nhất thuận tình ly hôn (GCNKH: 144/2017 ngày 05/12/2017).

Về con chung: Ông Nguyễn Đại D và bà Phan Thị Khánh A có 02 con chung là cháu Nguyễn Phan Hải Đ, sinh ngày: 06/12/2018 và cháu Nguyễn Phan Hải B, sinh ngày: 20/8/2020. Sau ly hôn, cháu Nguyễn Phan Hải Đ do ông Nguyễn Đại D trực tiếp nuôi dưỡng và bà Phan Thị Khánh A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phan Hải B cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng với bên nào.

Về tài sản chung: Ông bà tự thoả thuận và không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Nguyễn Đại D và bà Phan Thị Khánh A tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 1620 ngày 03/6/2024 của Chi cục THADS quận C, tp ..

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Hòa An;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Hữu Hưng**

